

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN LONG THÀNH** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**  
**TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 159/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc An

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Phước  
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Ngọc H, sinh năm 1997.

HKTT: Tổ 76 L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số D, Đường số I, Trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hải H1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ E, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H1, anh H1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2024 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Vũ Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hải H1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày

18/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo số 16/2016. Sau khi kết hôn tới nay thì vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, luôn luôn bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình, cả hai đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để cùng nhau thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Đặc biệt, cả hai đã tự hòa giải và nhờ đến gia đình nội ngoại hoà giải nhưng vẫn không thành. Nguyên nhân là do anh H1 không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập cờ bạc, ăn nhậu và mỗi lần như vậy về nhà sẽ chửi mắng vợ con. Vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay, từ đó đến nay chị và anh H1 chưa từng gặp nhau nên không còn tình cảm. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hải H1.

+ Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/04/2016. Hiện nay, cháu K đang sống chung với anh H1, vì vậy chị yêu cầu giao cháu Nguyễn Anh K cho anh H1 nuôi dưỡng đến khi cháu 18 tuổi. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Do công việc bận nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*\* Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng anh Nguyễn Hải H1 không đến Tòa để làm việc và không có ý kiến phản hồi.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn ngày 29/01/2024; Căn cước công dân chị H1; Giấy khai sinh cháu K; Trích lục kết hôn số 31 ngày 24/01/2024; Đơn đề nghị không qua hòa giải, đối thoại tại Trung tâm hòa giải đối thoại của chị H1 ngày 29/01/2024; Tường trình và cam kết ngày 29/01/2024 của chị H1; Bản tự khai chị H1 ngày 18/3/2024, ngày 07/6/2024; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải ngày 18/3/2024; Đơn đề nghị Tòa án làm việc với anh Nguyễn Hải H1 ngày 07/6/2024; Đơn đề nghị hoãn phiên họp ngày 15/7/2024; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02/8/2024; Biên bản ghi nhận sự việc ngày 25/6/2024; Biên bản xác minh tại Công an xã P ngày 25/6/2024; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 25/6/2024.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hải H1 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị Vũ Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh H.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H ly hôn anh H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/04/2016. Chị H trình bày và xác minh địa phương cháu K đang sống chung với anh H, chị yêu cầu giao cháu K cho anh H nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con nên giao cháu K cho anh H nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét. Về nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị H chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn anh Nguyễn Hải H1 nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do, chị Vũ Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh H.

#### **[2] Về nội dung:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2016 ngày 18/02/2016 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị H trình bày trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng có hòa giải với nhau và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân khoảng 03 năm nay không hàn gắn đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự nhiều lần mục đích để ghi nhận ý kiến các bên nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng anh H không đến cũng không cung cấp ý kiến. Tòa án tiến hành trực tiếp làm việc với anh H tại địa chỉ nhưng không làm việc được. Qua đó thể hiện anh H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh H đã thực sự trầm trọng, vợ chồng sống ly thân không thể hàn gắn đoàn tụ cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H.

*Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/04/2016. Chị H yêu cầu giao cháu K cho anh H nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Tòa án thông báo về việc mời con của chị H, anh H cùng đến làm việc để tham khảo ý kiến cháu K nhưng các đương sự không thực hiện theo thông báo. Tòa án đã liên hệ đại diện tại địa phương xã P xác minh và được cung cấp hiện

cháu K đang sống cùng anh H nhưng không gặp được cháu K để tham khảo nguyện vọng. Xét trong thời gian chị H, anh H sống ly thân, việc chăm sóc cháu K do anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chị H yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ giao anh H nuôi dưỡng cháu K; Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

*Về tài sản chung, về nợ chung:* Không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Ngọc H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Hải H1, xử cho chị Vũ Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Hải H1.

- Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/04/2016 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0015309 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị Vũ Ngọc H, anh Nguyễn Hải H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);

### **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- UBND xã Phước Thái
- GCNKH số 16 ngày 18/02/2016 (1);
- Dương sự (2);
- Lưu (3).

**Nguyễn Ngọc An**